



Họ và tên:
Lớp: 1A.....

PHIẾU ÔN TẬP TOÁN VIOLYMPIC
VÒNG 11

Bài 1: Tính.

$7 - 3 + 4 - 2 = \dots\dots$

$6 - 6 + 3 + 0 + 5 = \dots\dots$

$5 + 4 - 3 - 6 = \dots\dots$

$4 + 5 - 3 - 3 + 0 = \dots\dots$

$8 - 5 + 2 + 5 = \dots\dots$

$5 + 4 - 1 - 6 + 1 = \dots\dots$

$6 - 4 - 2 + 7 = \dots\dots$

$5 - 5 + 1 + 6 - 2 = \dots\dots$

$3 + 5 - 7 + 8 = \dots\dots$

$9 + 1 - 8 + 3 - 3 = \dots\dots$

$10 - 7 + 3 - 2 - 2 - 1 = \dots\dots$

$0 + 2 + 0 + 1 + 0 + 1 = \dots\dots$

$6 - 2 - 1 - 2 + 7 - 7 = \dots\dots$

$9 - 3 + 1 - 5 + 4 - 3 = \dots\dots$

$8 - 3 - 4 + 1 + 2 + 3 = \dots\dots$

Bài 2: Điền số, dấu ($>$, $<$, $=$) vào chỗ chấm.

$9 - 5 = \dots\dots$

$7 + 2 - \dots\dots = 6$

$6 + 3 \dots\dots 9$

$3 + 6 = 4 + \dots\dots$

$6 + 3 + 1 \dots\dots 5 + 5$

$5 + 2 > 3 + \dots\dots > 1 + 4$

$2 + \dots\dots = 6 - 4 + 5$

$4 + 3 + 2 > 5 + \dots\dots > 3 + 4$

$2 + 8 - 3 \dots\dots 4 + 1$

$3 + 6 + 1 - 2 \dots\dots 2 + 4$

$8 + 1 \dots\dots 3 + 2$

$9 - 2 - 5 \dots\dots 6 + 4 - 3$

Bài 3: Chọn các ô có kết quả bằng nhau.

1 $7 - 3 - 1$	2 $6 + 4 - 3$	3 $1 + 4 - 2$	4 $3 - 2 - 1$
5 $7 + 3 - 9$	6 $5 + 4 + 1$	7 $6 - 2 - 2$	8 $2 + 2 + 2$
9 $8 + 2 - 6$	10 $5 + 4 - 3$	11 $5 + 1 - 6$	12 $2 + 4 - 1$
13 $9 + 1 - 3$	14 $3 + 6 - 4$	15 $1 + 4 + 4$	16 $1 + 2 + 3 + 4$
17 $2 + 8 - 1$	18 $6 + 2 - 4$	19 $4 + 5 - 7$	20 $8 - 1 - 6$

Trả lời:

1 và <input type="radio"/>	2 và <input type="radio"/>	4 và <input type="radio"/>	5 và <input type="radio"/>
6 và <input type="radio"/>	7 và <input type="radio"/>	8 và <input type="radio"/>	9 và <input type="radio"/>
12 và <input type="radio"/>		15 và <input type="radio"/>	

Bài 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

- Số nhỏ nhất trong các số: 3; 6; 10; 8; 2; 4 là số:.....

- Số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 7 là:.....

- Trong các số: 2, 9, 1, 0, 8, 4:

+ Số lớn nhất là:.....

+ Số lớn hơn 5 là:.....

+ Số bé hơn 4 là:.....

- Lan có 10 quả táo, Lan cho Hà và Nga mỗi người 3 quả táo. Lan còn..... quả táo.